TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lê Khắc Hải** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Ông **Phạm Hoàng Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT: Ấp A, xã T, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện nay: Ấp C, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện GR (nay là thị xã GR), tỉnh Bạc Liêu vào năm 2005. Trong cuộc sống chung thì vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

- *Về con chung*: Bà và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Văn L sinh ngày 04 tháng 8 năm 2010. Hiện tại con chung đang sống cùng bà tại ấp C, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Do bà và ông D tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Do bà và ông D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không có mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Văn L sinh ngày 04 tháng 8 năm 2010 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ tại ấp 8, xã Tân Thạnh, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà N, ông D là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện GR (nay là thị xã GR), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2005

nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà N xác định trong cuộc sống chung, vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

[5] Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Xét thấy: Mối quan hệ hôn nhân của bà N, ông D không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông D không đến Tòa án. Việc ông D không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không muốn hàn gắn tình cảm với bà N. Do đó, không có điều kiện để bà N và ông D hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Văn D.

[6] Về con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Trong quá trình chung sống bà N và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Văn L sinh ngày 04 tháng 8 năm 2010. Cháu L có nguyện vọng được sống với bà N thể hiện tại Tờ nguyện vọng đề ngày 11 tháng 5 năm 2023. Phía ông D không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc giao cháu Lịnh cho bà N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung: Do tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Do không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Cho bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Văn L sinh ngày 04 tháng 8 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng:* Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Do tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014657 ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- CCTHADS thị xã GR;
- UBND xã T, thị xã GR;
(GCNKH số 55 ngày 15/12/2005)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi